

Số: 1490 /QĐ-SYT

Gia Lai, ngày 29 tháng 12 năm 2021

TRUNG TÂM Y TẾ BƯN PHU THIÊN
ĐẾN: Số: 66 V/v phê
P. 06. 01. 22
Chức:

Đang sung danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh tại Trung tâm Y tế huyện Phú Thiện

Căn cứ Quyết định số 859/QĐ-UBND ngày 22/11/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12 ngày 23/11/2009;

Căn cứ Thông tư số 43/2013/TT-BYT ngày 11/12/2013 của Bộ Y tế về việc Quy định chi tiết phân tuyến chuyên môn kỹ thuật đối với hệ thống cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; Thông tư 21/2017TT-BYT ngày 10/5/2017 của Bộ Y tế về việc sửa đổi, bổ sung danh mục kỹ thuật ban hành kèm theo Thông tư số 43/2013/TT-BYT;

Xét Tờ trình số 1509/TTr-TTĐT ngày 23/11/2021 của Trung tâm Y tế huyện Phú Thiện về việc đề nghị phê duyệt bổ sung Danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh tại Trung tâm Y tế huyện Phú Thiện;

Theo đề nghị của Phòng Nghiệp vụ Y - Sở Y tế.

Điều 1. Phê duyệt bổ sung danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh tại Trung tâm Y tế huyện Phú Thiện, gồm: 259 danh mục kỹ thuật; trong đó có: 143 danh mục kỹ thuật đúng tuyến; 111 danh mục kỹ thuật vượt tuyến (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Danh mục kỹ thuật đã được Sở Y tế phê duyệt là cơ sở pháp lý để triển khai công tác khám bệnh, chữa bệnh tại đơn vị, thanh toán Bảo hiểm Y tế và chuyển tuyến theo hướng dẫn phân tuyến chuyên môn kỹ thuật theo Thông tư số 43/2013/TT-BYT ngày 11/12/2013 của Bộ Y tế.

Điều 3. Trung tâm Y tế huyện Phú Thiện phải thực hiện đúng phạm vi hoạt động chuyên môn, quy trình kỹ thuật chuyên môn của Bộ Y tế ban hành để đảm bảo an toàn sức khỏe cho người bệnh.

Điều 4. Các ông (bà): Trưởng các phòng chức năng của Sở Y tế, Giám đốc Trung tâm Y tế huyện Phú Thiện và thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành./.

- Như điều 4;
- Lưu: VT, NVY.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Đình Tuấn

SỞ Y TẾ GIA LAI
TRUNG TÂM Y TẾ PHÚ THIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**DANH MỤC BỔ SUNG PHÂN TUYÊN
KỸ THUẬT KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH
NĂM 2021**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1140/QĐ-SYT
ngày 29/12/2021 của Sở Y tế Gia Lai)*

Gia Lai, ngày.....tháng.....năm 2021

SỞ Y TẾ GIA LAI
TRUNG TÂM Y TẾ PHÚ THIÊN
Số 150/TT-TTYT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phú Thiện, ngày 23 tháng 11 năm 2021

TỜ TRÌNH

Về việc xem xét, phê duyệt bổ sung danh mục kỹ thuật phân tuyến khám bệnh, chữa bệnh triển khai thực hiện tại Bệnh viện đa khoa Phú Thiện năm 2021

Kính gửi: Sở Y tế Gia Lai

Thực hiện theo Quy chế bệnh viện ban hành kèm theo Quyết định số 1895/1997/QĐ-BYT ngày 19/9/1997 của Bộ trưởng Bộ Y tế về tổ chức hoạt động bệnh viện;

Thực hiện theo Thông tư số 43/2013/TT-BYT ngày 11/12/2013 của Bộ Y tế về Quy định chi tiết phân tuyến chuyên môn kỹ thuật đối với hệ thống cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ vào biên bản họp Hội đồng chuyên môn xét danh mục kỹ thuật khám bệnh, chữa bệnh theo phân tuyến triển khai thực hiện tại Trung tâm y tế Phú Thiện;

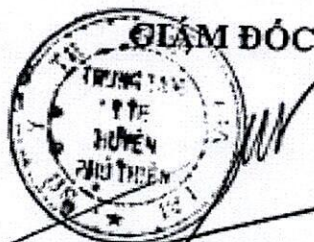
Căn cứ vào điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị, nhân lực và năng lực thực hiện kỹ thuật của đơn vị;

Nay Trung tâm y tế Phú Thiện kính trình Sở Y tế Gia Lai xem xét, tạo điều kiện và phê duyệt bổ sung danh mục kỹ thuật khám bệnh, chữa bệnh theo phân tuyến nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho Trung tâm y tế Phú Thiện triển khai thực hiện các kỹ thuật chuyên môn theo phân tuyến phục vụ cho công tác khám bệnh, chữa bệnh đúng quy định và đảm bảo có cơ sở để làm căn cứ phát triển những kỹ thuật cao hơn ở thời gian tới. Đồng thời tạo điều kiện cho đơn vị đủ điều kiện theo quy định để được triển khai thêm các kỹ thuật chuyên môn để phục vụ nhu cầu khám bệnh, chữa bệnh và công tác phòng chống dịch bệnh Covid-19 trên địa bàn huyện.

Vậy Trung tâm y tế kính trình Sở y tế sớm xem xét và phê duyệt bổ sung Danh mục kỹ thuật khám bệnh, chữa bệnh theo phân tuyến đã được lập với khả năng thực hiện được đơn vị thực hiện được 259 kỹ thuật, trong đó có 148 kỹ thuật đúng phân tuyến, 111 kỹ thuật vượt phân tuyến (có Danh mục kèm theo) để đơn vị sớm triển khai đúng quy định về khám bệnh, chữa bệnh và công tác phòng chống dịch bệnh Covid-19 cho nhân dân trên địa bàn.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: VT.



Phạm Chí Quang

SỞ Y TẾ GIA LAI
TRUNG TÂM Y TẾ PHÚ THIỆN
Hội đồng chuyên môn

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Phú Thiện, ngày 23 tháng 11 năm 2021

BIÊN BẢN
Họp Hội đồng chuyên môn xét bổ sung danh mục kỹ thuật
khám bệnh, chữa bệnh theo phân tuyến năm 2021

Hôm nay, vào lúc 14 giờ 00 ngày 23 tháng 11 năm 2021, tại Hội trường Trung tâm y tế huyện Phú Thiện tổ chức họp Hội đồng chuyên môn xét bổ sung danh mục kỹ thuật khám bệnh, chữa bệnh theo phân tuyến nhằm triển khai thực hiện hiệu quả công tác khám chữa bệnh, cũng như đảm bảo thực hiện đúng theo Thông tư số 43/2013/TT-BYT ngày 11/12/2013 của Bộ Y tế về Quy định chi tiết phân tuyến chuyên môn kỹ thuật đối với hệ thống cơ sở khám bệnh, chữa bệnh

1. Thành phần dự họp gồm:

- | | |
|--|-------------------------------|
| 1. Ông Phạm Chí Quang | Giám đốc |
| 2. Bà Rcom H' Juyên | Phó Giám đốc |
| 3. Ông Phan Trung Hậu | Phó Phòng Kế hoạch nghiệp vụ |
| 4. Ông Siu BLu | Trưởng Khoa Ngoại Sản |
| 5. Bà Huỳnh Thị Ngọc Diệp | Phó Trưởng Khoa HSCC |
| 6. Bà Mã Thị Thu Huyền | Phó Trưởng Khoa Nội Nhi Nhiễm |
| 7. Bà Rah Lan H' Hương | Phó Trưởng Khoa Khám-LCK |
| 8. Bà Trần Thị Trúc Hạnh | Phó Khoa Cận Lâm Sàng |
| 9. Ông Phan Đình Trọng Huy | Phó Khoa Dược |
| 10. Bà Nguyễn Thị Minh Huệ | Phó Phòng TC-HC |
| 11. Bà Mã Thị Út Thảo | Phó Trưởng Khoa YHCT- PHCN |
| 12. Bà Nguyễn Thị Minh Hà | Phó Trưởng phòng Điều dưỡng |
| 13. Ông Tống Văn Minh | Phòng Kế hoạch nghiệp vụ |
| 14. Bà Tống Thị Xen | Hộ sinh trưởng khoa CSSKSS |
| - Chủ trì cuộc họp: Ông Phạm Chí Quang | Giám đốc |
| - Thư ký cuộc họp: Ông Phan Trung Hậu | Phó Phòng Kế hoạch nghiệp vụ |

2. Nội dung cuộc họp:

Đ/c Phạm Chí Quang, Giám đốc Trung tâm y tế, chủ trì cuộc họp nêu khái quát nội dung Thông tư số 43/2013/TT-BYT ngày 11/12/2013 của Bộ Y tế về Quy định

chi tiết phân tuyển chuyên môn kỹ thuật đối với hệ thống cơ sở khám bệnh, chữa bệnh kèm theo danh mục kỹ thuật phân tuyển theo chuyên khoa.

Sau khi nắm bắt nội dung thông tư 43/2013/TT-BYT ngày 11/12/2013 của Bộ Y tế và danh mục kỹ thuật theo từng chuyên khoa được phân tuyển kèm theo. Hội đồng chuyên môn thống nhất nội dung như sau:

- Căn cứ vào điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị, nhân lực và năng lực thực hiện kỹ thuật của các khoa, đơn vị thực hiện được 259 kỹ thuật, trong đó có 148 kỹ thuật đúng phân tuyển, 111 kỹ thuật vượt phân tuyển

- Số lượng danh mục kỹ thuật thực hiện bổ sung như sau:

TT	NỘI DUNG	KỸ THUẬT PHÊ DUYỆT		
		Đúng tuyển	Vượt tuyển	Tổng thực hiện
I	Hồi sức cấp cứu và Chống độc	0	01	01
III	Nhi khoa	01	0	01
VI	Tâm thần	05	01	06
XIII	Phụ sản	13	0	13
XV	Tai mũi họng	09	0	09
XVIII	Điện quang	0	04	04
XX	Nội soi chẩn đoán, can thiệp	03	02	05
XXII	Huyết học - truyền máu	16	26	42
XXIII	Hoá sinh	15	26	41
XXIV	Vi sinh, ký sinh trùng	86	51	137
	Tổng cộng	148	111	259

Cuộc họp kết thúc vào lúc 16 giờ 30 cùng ngày với sự nhất trí của các thành viên hội đồng./.

THƯ KÝ



Phan Trung Hậu

CHỦ TRÌ



Phạm Chí Quang

BẢN KÊ KHAI
CƠ SỞ VẬT CHẤT, THIẾT BỊ Y TẾ, TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ
CỦA TRUNG TÂM Y TẾ PHÚ THIỆN

I. THÔNG TIN CHUNG:

1. Tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh: Trung tâm y tế huyện Phú Thiện
2. Địa chỉ: Tổ dân phố 3, thị trấn Phú Thiện, huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai
Điện thoại: 0269.677.888 Email: ttyt.phuthien@gialai.gov.vn
3. Quy mô: 85 giường bệnh

II. KÊ KHAI NHÂN SỰ:

STT	Họ và tên	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh (ghi cụ thể thời gian làm việc)	Vị trí chuyên môn
01	Phạm Chí Quang	000044/G L-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Hồi sức cấp cứu	24/24 giờ; 7 ngày/tuần	Bác sĩ KBCB chuyên khoa HSCC - Giám Đốc
02	Đỗ Thị Hiền	0003631/GL-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh thuộc hệ nội khoa	24/24 giờ; 7 ngày/tuần	Bác sĩ KBCB khoa HSCC
03	Siu Blu	0001313/GL-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại tổng hợp	24/24 giờ; 7 ngày/tuần	Bác sĩ KBCB chuyên khoa Ngoại tổng hợp - Khoa Ngoại tổng hợp
04	R' ô Thức	004464/G L-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh thuộc hệ sản phụ khoa	24/24 giờ; 7 ngày/tuần	Bác sĩ KBCB khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản
05	Ksor Đới	004354/G L-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	24/24 giờ; 7 ngày/tuần	Bác sĩ KBCB khoa Khám-LCK

06	Phạm Đình Tiến	004232/G L-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	24/24 giờ; 7 ngày/tuần	Bác sĩ KBCB khoa Khám- LCK
07	Vì Thị Ngọc Thúy	004232/G L-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	24/24 giờ; 7 ngày/tuần	Bác sĩ KBCB khoa Khám- LCK
08	Trần Thị Trúc Hạnh	0001392/ GL- CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp kỹ thuật y	24/24 giờ; 7 ngày/tuần	Cử nhân xét nghiệm - Phó trưởng khoa Xét nghiệm- CLS
09	Tống Thị Huyền	0001353/ GL- CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp kỹ thuật y	24/24 giờ; 7 ngày/tuần	Cử nhân xét nghiệm - Cử nhân xét nghiệm khoa Xét nghiệm- CLS
10	Nguyễn Thị Bạch An	0001345/ GL- CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp kỹ thuật y	24/24 giờ; 7 ngày/tuần	Kỹ thuật viên xét nghiệm - Kỹ thuật viên xét nghiệm khoa Xét nghiệm- CLS
11	Trần Văn Đình	0001394/ GL- CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp kỹ thuật y	24/24 giờ; 7 ngày/tuần	Kỹ thuật viên X- Quang - khoa Xét nghiệm- CLS
12	Đặng Văn Giang	004759/G L-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp kỹ thuật y	24/24 giờ; 7 ngày/tuần	Kỹ thuật viên X- Quang - khoa Xét nghiệm- CLS

III. THIẾT BỊ Y TẾ:

TT	Tên thiết bị	Ký hiệu (MODEL)	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Tình trạng sử dụng	Bảo dưỡng/hiệu chuẩn	Ghi chú
01	Máy Huyết học 33 thông số	MEK -9100	Nihon kohen	Nhật Bản	Sử dụng tốt		Khoa Xét nghiệm
02	Máy Huyết học Human Count	925000520	Human	Đức	Sử dụng tốt		Khoa Xét nghiệm

	80 TS						
03	Máy huyết học 18 thông số	COUNTEN EDER20+	SFRI	Pháp	Sử dụng tốt		Khoa Xét nghiệm
04	Máy sinh hóa tự động	TC-MaTrix	United States	Mỹ	Sử dụng tốt		Khoa Xét nghiệm
05	Máy sinh hóa tự động	AU 480	Beckman Coulter	Nhật Bản	Sử dụng tốt		Khoa Xét nghiệm
06	Máy phân tích nước tiểu 10 thông số	Clinitek status+	Bayer	Đức	Sử dụng tốt		Khoa Xét nghiệm
07	Tủ sấy tiệt trùng	DO-75	Hòa Bình- Việt nam	Việt nam	Sử dụng tốt		Khoa Xét nghiệm
08	Kính hiển vi quang học	Olympus Cx22	Olympus	Nhật bản	Sử dụng tốt		Khoa Xét nghiệm
09	Máy li tâm	EBA 200	EBA		Sử dụng tốt		Khoa Xét nghiệm
10	Máy lắc	BKMR-I	Roller Mixer		Sử dụng tốt		Khoa Xét nghiệm
11	Tủ lạnh LG	GRM 362s		Indon esia	Sử dụng tốt		Khoa Xét nghiệm
12	Tủ mát Alaska	LC-833	Malaysia	Malay sia	Sử dụng tốt		Khoa Xét nghiệm

13	Tủ âm sâu	Dw-40L 188	Haier medical	Mỹ	Sử dụng tốt		Khoa Xét nghiệm
14	Tủ âm đối lưu	WIG SERIES	WIG SERIES	Hàn quốc	Sử dụng tốt		Khoa Xét nghiệm
15	Máy HbAIC	0110	EKF – diagnostic GmbH	Đức	Sử dụng tốt		Khoa Xét nghiệm
16	Máy đo tốc độ máu lắng	RS30	ESR Analyzer		Sử dụng tốt		Khoa Xét nghiệm
17	Máy xét nghiệm ELISA	DS2	Dynex Technolog ies, Inc	Mỹ	Sử dụng tốt		Khoa Xét nghiệm
18	Tủ an toàn sinh học cấp II		Bio Saffty	Mỹ	Sử dụng tốt		Khoa Xét nghiệm
19	Máy sốc điện	TEC – 5631	Nhon Kohden Corporatio n	Nhật bản	Sử dụng tốt		Khoa HSCC
20	Máy nội soi TMH	INV-250	Hãng:Med one Innotech	Hàn Quốc	Sử dụng tốt		Khoa Khám- LCK
21	Máy đo điện não vi tính 32	EEG-1200K	NIHON KOHDEN	Nhật Bản	Sử dụng tốt		Khoa Khám- LCK

IV. CƠ SỞ HẠ TẦNG VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG

1. Cơ sở hạ tầng:

- Diện tích mặt bằng đơn vị: 30.988 m^2 , diện tích xây dựng sử dụng: $2778,5 \text{ m}^2$, bình quân diện tích $55,57 \text{ m}^2$ / giường bệnh.

- Đơn vị Bệnh viện đa khoa Phú Thiện bao gồm 03 tòa nhà 02 tầng và 06 tòa nhà 01 tầng và một số hạng mục phụ trợ được bố trí như sau:

1.1. Tòa nhà 02 tầng: (gồm Khu hành chính; Khoa Khám - HSCC, Khoa Nội nhi; Ngoại sản, Cận lâm sàng và khu phòng mổ).

* **Tòa nhà thứ nhất (gồm Khối hành chính và khoa Khám - HSCC):** Diện tích xây dựng: 600 m^2 , Diện tích sàn: 1.168 m^2

Tầng 01 gồm: Khoa Khám - HSCC và phòng thu Viện phí, phòng cấp Phát thuốc.

Tầng 02 gồm: Phòng Giám đốc, Phòng Phó Giám đốc, Phòng Giao ban Khoa Khám - HSCC, Phòng Tổ chức hành chính gồm 04 phòng, Phòng Tài vụ: gồm 02 phòng, Phòng Kế hoạch tổng hợp: gồm 02 phòng, Phòng Điều dưỡng, Phòng Hội trường chung, Phòng trực bác sỹ nam, Phòng trực bác sỹ nữ, Khu nhà vệ sinh gồm 02 khu nhà vệ sinh và phòng trực hộ lý khối hành chính.

* **Tòa nhà thứ hai (gồm Khoa Ngoại sản và khoa Nội nhi):** Diện tích xây dựng: 546 m^2 , Diện tích sàn: 1.063 m^2

Tầng 01: Khoa Ngoại sản: diện tích xây dựng: 273 m^2 .

Tầng 02:

Khoa Nội Nhi Nhiễm: diện tích xây dựng: 273 m^2 .

* **Tòa nhà thứ ba (gồm Khoa CLS và khu mổ):** Diện tích xây dựng: 400 m^2 , Diện tích sàn: 790 m^2

1.2. Tòa nhà 01 tầng gồm: (Khoa Dược, Nhà ở đồng bào, nhà xác, phòng Bảo vệ, Can tin nhà giặt, nhà kho và để xe cứu thương, Nhà điều trị lây, nhiễm).

- Khoa Dược: diện tích xây dựng: $124,7 \text{ m}^2$.

- Căn tin và nhà giặt: diện tích xây dựng: $364,3 \text{ m}^2$.

- Nhà ở đồng bào: diện tích xây dựng: $124,7 \text{ m}^2$.

- Nhà điều trị lây, nhiễm: diện tích xây dựng: $124,7 \text{ m}^2$.

- Nhà xác: diện tích xây dựng: $54,5 \text{ m}^2$.

Các công trình phụ trợ:

- Nhà để xe cứu thương: diện tích xây dựng: 48 m^2 .

- Nhà bảo vệ: diện tích xây dựng: 10 m^2 .

- Nhà để xe gắn máy: diện tích xây dựng 90 m^2 .

- Cầu nổi: diện tích xây dựng: $291,6 \text{ m}^2$

2. Các điều kiện vệ sinh môi trường:

2.1. Xử lý nước thải:

- Đối với nước thải sinh hoạt: Nước thải sinh hoạt được đưa về bể tự hoại 03 ngăn rồi được đưa về giếng thăm có đường kính 1m.

- Đối với nước thải y tế: hệ thống xử lý nước thải bằng công nghệ AAO – đệm vi sinh lưu động, công suất xử lý 50m³/ngày đêm.

- Đối với nước mưa: có hệ thống mương thoát nước mưa đổ ra các cống rãnh của huyện nhằm tránh ảnh hưởng đến nguồn nước giếng sinh hoạt, ăn uống của nhân dân trong vùng.

- Kết quả vận hành hệ thống xử lý nước thải: Chất lượng nước thải đạt các thông số, nồng độ chất ô nhiễm được phép xả thải đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế QCVN 28:2010/BTNMT.

2.2. Xử lý rác Y tế, rác sinh hoạt.

- Chất thải sinh hoạt: Hợp đồng với đội công trình đô thị huyện Phú Thiện thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định (thu gom 2 lần/tuần).

- Chất thải y tế:

+ Chất thải y tế nguy hại lây nhiễm được thu gom và xử lý hàng ngày tại khu vực lò đốt (F1-K gồm 2 buồng đốt sơ cấp và thứ cấp, công suất 20-25kg/giờ).

+ Chất thải nguy hại không lây nhiễm (kính vỡ, bóng đèn huỳnh quang, pin ắc quy thải bỏ, giẻ lau dính thành phần nguy hại, vỏ chai thuốc, lọ thuốc...): thuê công ty TNHH TM&MT Hậu Sanh thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

2.3. An toàn bức xạ: đã được kiểm định.

3. Hệ thống phụ trợ:

3.1. Phòng cháy, chữa cháy:

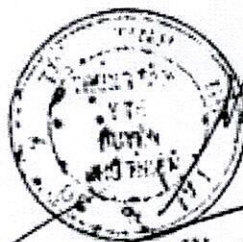
- Bệnh viện đa khoa huyện Phú Thiện đã được thẩm duyệt phương án Phòng cháy, chữa cháy tại chỗ của phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy công an tỉnh Gia Lai đối với Bệnh viện đa khoa huyện ngày 28/02/2014.

3.2. Thông tin liên lạc:

- Bệnh viện có hệ thống điện thoại liên lạc nội bộ;
- Bệnh viện có hệ thống vi tính nối mạng toàn viện và kết nối Internet;
- Bệnh viện có phần mềm quản lý bệnh viện.
- Bệnh viện có hệ thống biển báo.

Trên đây là bản kê cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế, tổ chức và nhân sự của bệnh viện đa khoa thuộc Trung tâm y tế Phú Thiện.

GIÁM ĐỐC



Phạm Chí Quang

I. HỒI SỨC CẤP CỨU

STT	TT/43	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
1	2	3	4			
			A	B	C	D
		A. TUẦN HOÀN				
1	32	Shock điện ngoài lồng ngực cấp cứu		@		

Chuyên khoa Hồi sức cấp cứu và chống độc đề nghị phê duyệt bổ sung: 01 kỹ thuật.
 Trong đó có 0 kỹ thuật đúng phân tuyến, 01 kỹ thuật vượt phân tuyến.

III. NHI KHOA

STT	TT/43	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
1	2	3	4			
			A	B	C	D
		XXVIII. NGOẠI KHOA				
1	4246	Tháo bột các loại			X	

Chuyên khoa Nhi khoa đề nghị phê duyệt: 01 kỹ thuật. Trong đó có 01 kỹ thuật đúng phân tuyến, 0 kỹ thuật vượt phân tuyến.

VI. TÂM THẦN

STT	TT/43	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
1	2	3	4			
			A	B	C	D
		D. LIỆU PHÁP TÂM LÝ				
1	48	Tư vấn tâm lý cho người bệnh và gia đình			X	
		E. XỬ TRÍ ĐIỀU TRỊ TÍCH CỰC				
2	62	Xử trí trạng thái kích động			X	
3	66	Xử trí trạng thái bồn chồn bất an do thuốc hướng thần			X	
4	70	Xử trí ngộ độc thuốc hướng thần			X	
		G. CHẨN ĐOÁN VÀ ĐIỀU TRỊ NGHIỆN MA TÚY				
5	77	Điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng các thuốc hướng thần			X	
6	78	Điều trị thay thế nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc methadone		@		

Chuyên khoa Tâm thần đề nghị phê duyệt: 06 kỹ thuật. Trong đó có 05 kỹ thuật đúng phân tuyến, 01 kỹ thuật vượt phân tuyến.

XIII. PHỤ SẢN

STT	TT/43	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
			4			
1	2	3	A	B	C	D
		A. SẢN KHOA				
1	31	Thủ thuật cắt, kéo cổ tử cung xử trí băng huyết sau đẻ, sau sảy, sau nạo (*)			X	
2	52	Khâu vòng cổ tử cung			X	
3	53	Cắt chỉ khâu vòng cổ tử cung			X	
		B. PHỤ KHOA				
4	136	Làm lại vết mổ thành bụng (bục, tụ máu, nhiễm khuẩn...) sau phẫu thuật sản phụ khoa			X	
5	144	Thủ thuật xoắn políp cổ tử cung, âm đạo			X	
6	149	Khâu rách cùng đồ âm đạo			X	
7	151	Chích áp xe tuyến Bartholin			X	
8	152	Bóc nang tuyến Bartholin			X	
9	158	Nạo hút thai trứng			X	
10	160	Chọc dò túi cùng Douglas			X	
11	166	Soi cổ tử cung			X	
		E. PHÁ THAI				
12	239	Phá thai bằng thuốc cho tuổi thai đến hết 7 tuần			X	
13	241	Phá thai đến hết 7 tuần bằng phương pháp hút chân không			X	

Chuyên khoa Phụ sản đề nghị phê duyệt: 13 kỹ thuật. Trong đó có 13 kỹ thuật đúng phân tuyến, 0 kỹ thuật vượt phân tuyến.

XVIII. ĐIỆN QUANG

STT	TT/43	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
1	2	3	4			
			A	B	C	D
		A. SIÊU ÂM CHẨN ĐOÁN				
		1. Siêu âm đầu, cổ				
1	3	Siêu âm cơ quan phần mềm vùng cổ		@		
2	4	Siêu âm hạch vùng cổ		@		
		7. Siêu âm vú				
3	54	Siêu âm tuyến vú hai bên		@		
		8. Siêu âm sinh dục nam				
4	57	Siêu âm tinh hoàn hai bên		@		

Chuyên khoa Điện quang đề nghị phê duyệt bổ sung: 04 kỹ thuật. Trong đó có 0 kỹ thuật đúng phân tuyến, 04 kỹ thuật vượt phân tuyến.

XX. NỘI SOI CHẨN ĐOÁN, CAN THIỆP

STT	TT/43	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
			4			
1	2	3	A	B	C	D
		B. TAI MŨI HỌNG				
1	3	Nội soi hạ họng - thanh quản ống cứng chẩn đoán		@		
2	5	Nội soi hạ họng - thanh quản ống mềm chẩn đoán		@		
3	7	Nội soi cầm máu mũi			X	
4	10	Nội soi thanh quản ống mềm chẩn đoán			X	
5	13	Nội soi tai mũi họng			X	

Chuyên khoa Tai mũi họng đề nghị phê duyệt bổ sung: 05 kỹ thuật. Trong đó có 03 kỹ thuật đúng phân tuyến, 02 kỹ thuật vượt phân tuyến.

XXII. HUYẾT HỌC - TRUYỀN MÁU

STT	TT/43	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
			4			
1	2	3	A	B	C	D
		A. XÉT NGHIỆM ĐỒNG MÁU				
1	45	Định lượng Protein C toàn phần (Protein C Antigen)		@		
2	46	Định lượng Protein S toàn phần		@		
3	47	Định lượng hoạt tính Protein C (Protein Activity)		@		
4	48	Định lượng Protein S tự do		@		
		B. SINH HÓA HUYẾT HỌC				
5	79	Định lượng Acid Folic		@		
6	88	Định lượng Vitamin B12		@		
7	94	Định lượng Peptid -C		@		
8	102	Sức bền thẩm thấu hồng cầu			X	
9	103	Định lượng G6PD		@		
10	116	Định lượng Ferritin		@		
11	117	Định lượng sắt huyết thanh			X	
		C. TẾ BÀO HỌC				
12	136	Tìm mảnh vỡ hồng cầu			X	
13	137	Tìm hồng cầu có chấm ưa bazơ			X	
14	141	Tập trung bạch cầu		@		
15	164	Xét nghiệm số lượng và độ tập trung tiểu cầu (bằng máy đếm laser)			X	
		D. HUYẾT THANH HỌC NHÓM MÁU				
16	256	Định danh kháng thể bất thường (kỹ thuật ống nghiệm)		@		
17	259	Sàng lọc kháng thể bất thường (kỹ thuật ống nghiệm)		@		
18	262	Xét nghiệm lựa chọn đơn vị máu phù hợp (10 đơn vị máu trong 3 điều kiện 20°C, 37°C, kháng globulin người) bằng phương pháp Scangel/Gelcard.		@		
19	263	Xét nghiệm lựa chọn đơn vị máu phù hợp (10 đơn vị máu trong 3 điều kiện 20°C, 37°C, kháng globulin người) bằng phương pháp ống nghiệm		@		
20	265	Hiệu giá kháng thể miễn dịch (kỹ thuật ống nghiệm)		@		
21	267	Hiệu giá kháng thể tự nhiên chống A, B (kỹ thuật ống nghiệm)			X	
22	268	Phản ứng hòa hợp trong môi trường nước muối ở 22°C (Kỹ thuật ống nghiệm)			X	
23	271	Phản ứng hòa hợp ở điều kiện 37°C (Kỹ thuật ống nghiệm)			X	

24	274	Phản ứng hòa hợp sử dụng kháng Glubulin người(Kỹ thuật ống nghiệm)			X	
25	282	Định nhóm máu khó hệ ABO (kỹ thuật Scangel/Gelcard)	@			
26	283	Định nhóm máu hệ ABO (kỹ thuật trên giấy)			X	
27	284	Định nhóm máu hệ ABO (kỹ thuật trên thẻ)			X	
28	285	Định nhóm máu hệ ABO bằng giấy định nhóm máu để truyền máu toàn phần, khối hồng cầu, khối bạch cầu			X	
29	286	Định nhóm máu ABO bằng giấy định nhóm máu để truyền chế phẩm tiểu cầu hoặc huyết tương.			X	
30	287	Định nhóm máu hệ ABO trên thẻ định nhóm máu (đã có sẵn huyết thanh mẫu) để truyền máu toàn phần, khối hồng cầu, khối bạch cầu.			X	
31	288	Định nhóm máu hệ ABO trên thẻ định nhóm máu (đã có sẵn huyết thanh mẫu) để truyền chế phẩm tiểu cầu hoặc huyết tương.			X	
32	293	Định nhóm máu hệ ABO, Rh(D) bằng công nghệ hồng cầu gắn từ.	@			
33	295	Xác định kháng nguyên D yếu của hệ Rh(kỹ thuật ống nghiệm)	@			
34	296	Xác định kháng nguyên D yếu của hệ Rh (kỹ thuật Scangel/Gelcard)	@			
35	297	Xác định kháng nguyên D từng phần của hệ Rh(kỹ thuật ống nghiệm)	@			
36	298	Xác định kháng nguyên D từng phần của hệ Rh (kỹ thuật Scangel/Gelcard)	@			
37	310	Xác định kháng nguyên H (kỹ thuật ống nghiệm)	@			
38	311	Xác định kháng nguyên H (kỹ thuật Scangel/Gelcard)	@			
39	312	Xác định kháng nguyên A1 (kỹ thuật ống nghiệm)	@			
40	313	Xác định kháng nguyên A1 (kỹ thuật Scangel/Gelcard)	@			
		G. TRUYỀN MÁU				
41	456	Xét nghiệm nhanh HbsAg trước hiến máu đối với người hiến máu	@			
42	457	Lấy máu toàn phần từ người hiến máu			X	

Chuyên khoa Huyết học truyền máu đề nghị phê duyệt bổ sung: 42 kỹ thuật. Trong đó có 16 kỹ thuật đúng phân tuyến, 26 kỹ thuật vượt phân tuyến.

XXIII. HÓA SINH

STT	TT/43	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYÊN KỸ THUẬT			
1	2	3	4			
			A	B	C	D
		A. Sinh hóa máu				
1	11	Định lượng Amoniac (NH ₃)		@		
2	32	Định lượng CA 125 (cancer antigen 125)		@		
3	33	Định lượng CA 19-9 (Carbohydrate Antigen 19-9)		@		
4	34	Định lượng CA 15 -3 (Cancer Antigen 15-3)		@		
5	35	Định lượng CA 72 - 4 (cancer Antigen 72 -4)		@		
6	36	Định lượng cancitonin		@		
7	39	Định lượng CEA (Carcino Embryonic Antigen)		@		
8	44	Định lượng CK-MB mass		@		
9	45	Định lượng C - Peptid			X	
10	60	Định lượng Ethanol (cồn)		@		
11	63	Định lượng Ferritin		@		
12	67	Định lượng Folate		@		
13	68	Định lượng FT3(Free Triiodothyroonic)		@		
14	69	Định lượng FT4 (Free Thyroxine)		@		
15	76	Định lượng Glubulin			X	
16	98	Định lượng Isulin		@		
17	109	Đo hoạt độ Lipase		@		
18	110	Định lượng LH (Luteinizing Hormone)		@		
19	117	Định lượng Myoglobin			X	
20	128	Định lượng Phospho		@		
21	130	Định lượng Pro - calcitonin		@		
22	134	Định lượng Progesteron		@		
23	142	Định lượng RF (Reumaitoit factor)		@		
24	143	Định lượng sắt			X	
25	147	Định lượng T3 (Tri iodothyronine)		@		
26	148	Định lượng T4 (Thyroxine)		@		
27	151	Định lượng Testosterol		@		
28	160	Định lượng Troponin Ths		@		
29	162	Định lượng TSH (Thyroid Stimulating hormone)		@		
30	169	Định lượng vitamin B12		@		
		B. Sinh hóa nước tiểu				
31	172	Điện giải niệu (Na,K,Cl)			X	
32	173	Định tính Amphetamin (test nhanh)			X	
33	174	Định lượng Amphetamin			X	
34	186	Định tính đường chấp			X	
35	188	Định tính Marijuana (THC) (test nhanh)			X	
36	193	Định tính Opiate (test nhanh)			X	
37	197	Định lượng phospho			X	
38	198	Định tính phospho hữu cơ			X	

39	199	Định tính Porphyrin			X	
40	201	Định lượng protein			X	
41	205	Định lượng Ure			X	

Chuyên khoa Hóa sinh đề nghị phê duyệt bổ sung: 41 kỹ thuật. Trong đó có 15 kỹ thuật đúng phân tuyến, 26 kỹ thuật vượt phân tuyến.

XXIV. VI SINH

STT	TT/43	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYÊN KỸ THUẬT			
			4			
1	2	3	A	B	C	D
		A. Vi khuẩn				
		1. Vi khuẩn chung				
1	1	Vi khuẩn nhuộm soi			X	
2	2	Vi khuẩn test nhanh			X	
3	39	Mycobacterium leprae nhuộm soi			X	
		3. Vibrio cholerae				
4	42	Vibrio cholerae nhuộm soi tươi			X	
5	43	Vibrio cholerae nhuộm soi			X	
		4. Neisseria gonorrhoeae				
6	49	Neisseria gonorrhoeae nhuộm soi			X	
		5. Neisseria meningitidis				
7	56	Neisseria meningitidis nhuộm soi			X	
		6. Các vi khuẩn khác				
8	60	Chlamydia test nhanh			X	
9	80	Leptospira test nhanh			X	
10	85	Mycoplasma hominis test nhanh			X	
11	95	Treponema pallidum soi tươi			X	
12	96	Treponema pallidum nhuộm soi			X	
13	98	Treponema pallidum test nhanh			X	
14	103	Ureaplasma urealyticum test nhanh			X	
		B. Virus				
		1. Vi rus chung				
15	108	Virus test nhanh			X	
16	109	Virus Ag Miễn dịch bán tự động			X	
17	110	Virus Ag Miễn dịch tự động		@		
18	111	Virus Ab miễn dịch bán tự động			X	
19	112	Virus Ab Miễn dịch tự động		@		
20	113	Virus Xpert		@		
		2. Hepatitis Virus				
21	118	HBsAg miễn dịch bán tự động			X	
22	119	HBsAg miễn dịch tự động		@		
23	120	HBsAg khẳng định		@		
24	121	HBsAg định lượng		@		
25	123	HBsAb miễn dịch bán tự động			X	
26	124	HBsAb định lượng		@		
27	125	HBc IgM miễn dịch bán tự động			X	
28	126	HBc IgM miễn dịch tự động		@		
29	128	HBc total miễn dịch bán tự động			X	
30	129	HBc total miễn dịch tự động		@		

31	131	HBeAg miễn dịch bán tự động			X	
32	132	HBeAg miễn dịch tự động		@		
33	134	HBeAb miễn dịch bán tự động			X	
34	135	HBeAb miễn dịch tự động		@		
35	145	HCV Ab miễn dịch bán tự động			X	
36	146	HCV Ab miễn dịch tự động		@		
37	147	HCV Ag/Ab miễn dịch bán tự động			X	
38	148	HCV Ag/Ab miễn dịch tự động		@		
39	149	HCV Core Ag miễn dịch tự động		@		
40	152	HCV đo tải lượng hệ thống tự động		@		
41	156	HAV IgM miễn dịch bán tự động			X	
42	157	HAV IgM miễn dịch tự động		@		
43	158	HAV Total miễn dịch bán tự động			X	
44	159	HAV total miễn dịch tự động		@		
45	160	HDV Ag miễn dịch bán tự động			X	
46	161	HDV IgM miễn dịch bán tự động			X	
47	162	HDV Ab miễn dịch bán tự động			X	
48	163	HEV Ab test nhanh			X	
49	164	HEV IgM test nhanh			X	
50	165	HEV IgM miễn dịch bán tự động			X	
51	166	HEV IgM miễn dịch tự động		@		
52	167	HEV IgG miễn dịch bán tự động			X	
53	168	HEV IgM miễn dịch tự động			X	
		3. HIV				
54	170	HIV Ag/Ab test nhanh			X	
55	171	HIV Ab miễn dịch bán tự động			X	
56	172	HIV Ab miễn dịch tự động		@		
57	173	HIV Ag/Ab miễn dịch bán tự động			X	
58	174	HIV Ag/Ab miễn dịch tự động			X	
59	175	HIV kháng định		@		
		4. Dengue Virus				
60	185	Dengue virus IgA test nhanh			X	
61	186	Dengue Virus NS1Ag miễn dịch bán tự động			X	
62	188	Dengue Virus IgM miễn dịch bán tự động			X	
63	189	Dengue Virus IgG miễn dịch bán tự động			X	
		5. Herpesviridase				
64	193	CMV IgM miễn dịch bán tự động			X	
65	194	CMV IgM miễn dịch tự động		@		
66	195	CMV IgG miễn dịch bán tự động			X	
67	196	CMV IgG miễn dịch tự động		@		
68	201	HSV 1 IgM miễn dịch bán tự động			X	
69	202	HSV 1 IgM miễn dịch tự động		@		
70	203	HSV 1 IgG miễn dịch bán tự động			X	
71	204	HSV 1 IgG miễn dịch tự động		@		

72	205	HSV 2 IgM miễn dịch bán tự động			X	
73	206	HSV 2 IgM miễn dịch tự động	@			
74	207	HSV 2 IgM miễn dịch bán tự động			X	
75	208	HSV 2 IgG miễn dịch tự động	@			
76	209	HSV 1 +2 IgM miễn dịch bán tự động			X	
77	210	HSV 1 +2 IgM miễn dịch tự động	@			
78	211	HSV 1 +2 IgG miễn dịch bán tự động			X	
79	212	HSV 1 +2 IgM miễn dịch tự động	@			
80	217	EBV IgM miễn dịch tự động	@			
81	218	EBV – VCA IgM miễn dịch bán tự động			X	
82	219	EBV IgG miễn dịch tự động	@			
83	220	EBV EA - D IgG miễn dịch bán tự động	@			
84	221	EBV EB - NA IgG miễn dịch bán tự động	@			
		7. Các Virus khác				
85	243	Influenza virus A,B test nhanh			X	
86	246	JEV IgM miễn dịch bán tự động			X	
87	247	Measles virus Ab miễn dịch bán tự động			X	
88	248	Measles virus Ab miễn dịch tự động	@			
89	250	Rotavirus Ag miễn dịch bán tự động			X	
90	252	RSV Ab miễn dịch bán tự động			X	
91	255	Rubella virus IgM miễn dịch bán tự động			X	
92	256	Rubella virus IgM miễn dịch tự động	@			
93	258	Rubella virus IgM miễn dịch tự động	@			
		C. Ký Sinh Trùng				
94	266	Đơn bào nhuộm soi tươi			X	
95	269	Strongyloides stercoralis (giun lươn) ấu trùng soi			X	
96	270	Cryptosporidium test nhanh			X	
97	271	Ký sinh trùng khẳng định	@			
98	272	Angiostrongylus cantonensis (Giun tròn chuột)Ab miễn dịch bán tự động			X	
99	273	Angiostrongylus cantonensis (Giun tròn chuột)Ab miễn dịch tự động	@			
100	274	Clonorchis/Opisthorchis (Sán lá gan nhỏ) Ab miễn dịch bán tự động			X	
101	275	Clonorchis/Opisthorchis (Sán lá gan nhỏ) Ab miễn dịch tự động	@			
102	277	Cysticercus cellulosae (Sán lợn) Ab miễn dịch tự động	@			
103	278	Echinococcus granulosus (Sán dây chó) miễn dịch bán tự động			X	
104	279	Echinococcus granulosus (Sán dây chó) miễn dịch	@			
105	280	Entamoeba histolytica (Amip) Ab miễn dịch bán tự động			X	
106	281	Entamoeba histolytica (Amip) Ab miễn dịch tự động	@			

107	282	Fasciola (Sán lá gan lớn) Ab miễn dịch bán tự động			X	
108	283	Fasciola (Sán lá gan lớn) Ab miễn dịch tự động		@		
109	284	Filaria (giun chỉ) ấu trùng trong máu nhuộm soi			X	
110	285	Gnathostoma (Giun đầu gai) Ab miễn dịch bán tự động			X	
111	286	Gnathostoma (Giun đầu gai) Ab miễn dịch tự động		@		
112	287	Paragonimus (Sán lá phổi) Ab miễn dịch bán tự			X	
113	288	Paragonimus (Sán lá phổi) Ab miễn dịch tự động		@		
114	290	Plasmodium (Ký sinh trùng sốt rét)nhuộm soi định lượng		@		
115	292	Schistosoma (Sán máng) Ab miễn dịch bán tự động			X	
116	293	Schistosoma (Sán máng) Ab miễn dịch tự động		@		
117	294	Strongyloides stercoralis (Giun lươn) Ab miễn dịch bán tự động			X	
118	295	Strongyloides stercoralis (Giun lươn) Ab miễn dịch tự động		@		
119	296	Toxocara (Giun đũa chó mèo) AB miễn dịch bán			X	
120	297	Toxocara (Giun đũa chó mèo) AB miễn dịch tự động		@		
121	298	Toxoplasma IgM miễn dịch bán tự động			X	
122	299	Toxoplasma IgM miễn dịch tự động		@		
123	300	Toxoplasma IgG miễn dịch bán tự động			X	
124	301	Toxoplasma IgG miễn dịch tự động		@		
125	303	Trichinella spiralis (Giun Xoắn) Ab miễn dịch bán tự động			X	
126	304	Trichinella spiralis (Giun Xoắn) Ab miễn dịch tự động		@		
127	305	Demodex soi tươi			X	
128	306	Demodex nhuộm soi			X	
129	307	Phthirus pubis (Rận mu) soi tươi			X	
130	308	Phthirus pubis (Rận mu) nhuộm soi			X	
131	309	Sarcoptes scabies hominis (ghẻ) soi tươi			X	
132	310	Sarcoptes scabies hominis (ghẻ) nhuộm soi			X	
133	317	Trichomonas vaginalis soi tươi			X	
134	318	Trichomonas vaginalis nhuộm soi			X	
		D. Vi nấm				
135	319	Vi nấm soi tươi			X	
136	320	Vi nấm test nhanh			X	
137	321	Vi nấm nhuộm soi			X	

Chuyên khoa Vi sinh đề nghị phê duyệt bổ sung: 137 kỹ thuật. Trong đó có 86 kỹ thuật đúng phân tuyến, 51 kỹ thuật vượt phân tuyến.

* Tổng danh mục đề nghị phê duyệt bổ sung: 259 kỹ thuật. Trong đó có 148 kỹ thuật đúng phân tuyến, 111 kỹ thuật vượt phân tuyến.

PHÊ DUYỆT SỞ Y TẾ GIA LAI

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Đình Tuấn

GIÁM ĐỐC TTYT PHÚ THIÊN

GIÁM ĐỐC



Phạm Chí Quang